TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 7 – 2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triệu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tuấn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 374/2026/HNGĐ-ST ngày 19/06/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tạ Văn T, sinh ngày 08/02/1976; Căn cước số 0240 7600 3111 cấp ngày 29/4/2021; nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh; nơi ở hiện nay: tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/5/1977; căn cước công dân số 0351 7700 6951 cấp ngày 15/5/2023; Nơi thường trú: Tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Tạ Văn T trình bày:* Ông T và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 và có 01 con chung là Tạ Văn H1, sinh ngày 06/02/2016. Ngày 12/8/2016 ông và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh Bắc Ninh) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới bà H về chung sống với ông T tại nhà ông T ở tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Hai vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận và có 01 con chung, tuy nhiên càng về sau càng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Tháng 12/2025, ông T khi đi làm công trình không may bị tai nạn lao động nên phải điều trị. Trong khoảng thời gian điều trị, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ông bà tuy sống chung nhà nhưng không còn tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Tạ Văn H1, sinh ngày 06/02/2016. Ly hôn, ông T đề nghị giao con chung Tạ Văn H1 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà và ông Tạ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 và có 01 con chung là Tạ Văn H1, sinh ngày 06/02/2016. Ngày 12/08/2018 bà và ông T đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh Bắc Ninh) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau đó bà về sinh sống với ông T tại nhà ông T ở tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận và có 01 con chung. Đến tháng 12/2025 ông T bị tai nạn lao động phải nhập viện điều trị thương tích nhưng đến nay đã phục hồi. Kể từ khi điều trị xong, ông T đòi ly hôn với bà H dẫn đến quan hệ vợ chồng căng thẳng và phát sinh mâu thuẫn. Bà H xác định trước khi ông T bị tại nạn lao động, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ nhặt do bất đồng lối sống. Nay ông T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì bà H không nhất trí do bà H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Bà H xác nhận bà và ông T có 01 con chung là Tạ Văn H1, sinh ngày 06/02/2016. Trong trường hợp ông T kiên quyết ly hôn với bà H, bà H đề nghị Tòa án giao con chung Tạ Văn H1 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong trường hợp Tòa án giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà H không đề nghị ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H xác định hai vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, do đó, bà H không yêu cầu tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc bận nên bà H làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T, bị đơn bà H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố đơn xin vắng mặt, lời khai của ông T, bà H, của con chung và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh với đại diện chính quyền địa phương tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh, kết quả:* Ông Tạ Văn T là là công dân của địa phương, hiện vẫn đang sinh sống tại tổ dân phố K phường V, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2018, ông T kết hôn với bà H, sau khi kết hôn bà H về chung sống cùng ông T tại tổ dân phố K, phường V, tỉnh Bắc Ninh. Trước đó, ông T và bà H cũng đã chung sống với nhau từ nhiều năm do làm công trình tại Hà Nội và sinh ra cháu Tạ Văn H1 vào năm 2016. Đến năm 2018 gia đình ông T bà H chuyển về địa phương sinh sống, hai ông bà đi đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới. Tháng 12 năm 2025, ông T bị tai nạn lao động phải nhập viện điều trị. Từ đó đến nay hai vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn, cãi vã.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ 55, 58, 81, 82, 83, 84 ; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Tạ Văn T ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

+ Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi con chung Tạ Văn H1, sinh ngày 06/02/2016. Ông T được quyền thăm nom con chung.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tạ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Tạ Văn T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị H, bà H có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố K (nay là tổ dân phố K), phường V, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T và bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1].Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Văn T và bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân phường V, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 12/08/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án ông T và bà H đều xác định có xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Theo lời trình bày của ông T, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án cho ông được ly hôn với bà H. Bà H xác định bà vẫn còn tình cảm với ông T, bà không đồng ý ly hôn với ông T. Xét thấy: Vợ chồng ông T, bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Mặc dù bà H không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Kể từ khi Tòa án hòa giải đến nay bà H không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Tạ Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Vợ chồng ông T và bà H có một con chung là cháu Tạ Văn H1, sinh ngày 06/02/2016. Sau khi ly hôn ông T và bà H đều thống nhất giao con chung Tạ Văn H1 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên cần giao con chung cháu Tạ Văn H1 cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng các bên và phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông T và bà H đều không yêu cầu đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với các điều 58, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3.3]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T và bà H đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận ông T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông T, bà H vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Tạ Văn H1, sinh ngày 06/02/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Ông Tạ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Tạ Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005915 ngày 18/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận ông T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Chi